

Bản án số: **10/2022/DS-ST**

Ngày: 22-9-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K-TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Tấn Thắng.

2. Bà Võ Thị Cảnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thu Thùy- Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 107/2021/TLST-DS ngày 07/10/2021 về **“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”**, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-DS ngày 17/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-DS ngày 06/9/2022, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Đặng Văn M, sinh năm 1952 (tên thường gọi là Sáu kiếm) và bà Lê Thị C, sinh năm 1956;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

2. **Bị đơn:** Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Ông M, bà C đều có mặt; ông Đ vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đặng Văn M và bà Lê Thị C trình bày: Vì là chỗ quen biết với nhau nên ông M-bà C có cho ông Võ Văn Đ vay tổng số tiền là 66.000.000 đồng (sáu mươi sáu triệu đồng), ông, bà cho vay làm 03 lần, cụ thể như sau: Lần 01 vào ngày 15/12/2018 DL (là ngày 09/11/2018 ÂL), ông Đ vay số tiền là 30.000.000 đồng nợ gốc; Lần 02 vào ngày 21/12/2018 DL (là ngày 15/11/2018 ÂL), ông Đ vay số tiền là 30.000.000 đồng nợ gốc và lần 03 vào ngày 06/8/2018 DL (là ngày 25/6/2018 ÂL), ông Đ vay số tiền là 6.000.000 đồng nợ gốc. Số tiền 6.000.000 đồng được xác định lại từ những khoản nợ trước đó mà ông Đ đã vay nên thời gian ghi nợ trước 02 lần trên. Mặc dù trong quá trình vay tiền ông Đ

không trả được khoản nợ gốc nào nhưng ông, bà vẫn tiếp tục cho vay tiền những lần sau vì ông Đ vẫn thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi cho ông, bà.

Vào các lần vay tiền, ông Đ đều tự nguyện viết nội dung vay tiền vào giấy vay tiền và ký, ghi rõ họ tên người vay; trong nội dung của giấy vay tiền ông Đ ghi là có vay của vợ chồng anh chị Sáu kiếm, đây là tên thường gọi của ông (M) ông Đ thường gọi như vậy nên đã ghi vào giấy vay tiền. Ông, bà đã cung cấp giấy vay tiền trên cho Tòa án làm chứng cứ khởi kiện.

Trong quá trình vay tiền, ông Đ không trả cho ông, bà được khoản tiền nợ gốc nào. Mặc dù ông, bà đã nhiều lần trực tiếp đến nhà ông Đ để yêu cầu trả nợ. Vì không tự thu hồi được nợ nên đến ngày 02/3/2021, ông, bà đã ủy quyền mua, bán nợ cho Công ty cổ phần mua bán nợ T, hiện có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí M để Công ty thay ông, bà thu hồi số tiền 66.000.000 đồng mà ông Đ còn nợ. Quá trình Công ty thực hiện thu hồi nợ thì có yêu cầu giao bản gốc các Giấy vay tiền để Công ty tự hồi nợ rồi thanh toán lại sau nhưng ông, bà không đồng ý vì ông M, bà C không bán luôn khoản nợ cho công ty mà chỉ nhờ Công ty đi thu hồi nợ cho ông, bà. Công ty có đến nhà ông Đ 01 lần để thu hồi nợ khi đó có ông (M) đi cùng, nhưng ông Đ không chấp nhận trả nợ nên Công ty vẫn chưa thu hồi cho ông, bà được khoản tiền nợ nào cả.

Sau này, ông, bà mới được biết việc Công ty thực hiện thu hồi nợ là không được pháp luật bảo đảm nên ông, bà đã cùng Công ty chấm dứt hợp đồng mua bán nợ bằng Biên bản thanh lý Hợp đồng mua bán nợ (ông, bà đã giao nộp cho Tòa án và gửi cho bị đơn được biết).

Tại phiên tòa ông M, bà C xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ông, bà không yêu cầu ông Đ phải trả số tiền 6.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 06/8/2018 DL (là ngày 25/6/2018 ÂL) mà ông M, bà C chỉ yêu cầu ông Đ phải trả cho ông, bà số tiền 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*) nợ gốc. Ông M, bà C không yêu cầu ông Đ phải trả tiền lãi.

Tại các bản tự khai bị đơn ông Võ Văn Đ trình bày: Ông Đ thừa nhận có vay của ông M và bà C tổng số tiền là 66.000.000 đồng (*sáu mươi sáu triệu đồng*) đúng theo nội dung trong Giấy vay tiền mà ông M, bà C đã cung cấp cho Tòa án làm chứng cứ khởi kiện. Ông trình bày trong giấy vay tiền ông ghi tên của ông M theo tên thường gọi là Sáu kiếm. Trong quá trình vay tiền, ông vẫn trả lãi hàng tháng cho ông M-bà C nhưng vẫn chưa trả được khoản nợ gốc nào. Tuy nhiên, đến ngày 02/3/2021, ông M cùng Công ty T đến nhà ông có trình qua Ủy ban nhân dân xã Kông Long Khong để thu hồi nợ, ông chưa có tiền để thanh toán ngay lúc đó nên có hẹn lại khi khác để trả nợ. Nên kể từ thời điểm đó, ông không còn nợ tiền của ông M-bà C nữa. Tại bản tự khai ngày 16/12/2021, ông Đ trình bày lại nội dung là chỉ có vay của vợ chồng ông M-bà C số tiền là 60.000.000 đồng, còn số tiền 6.000.000 đồng ông M đã hứa sẽ cho và không yêu cầu ông phải trả. Đến ngày 08/10/2021, ông M, bà C khởi kiện ông ra Tòa án nhân dân huyện K và gửi Biên bản thanh lý hợp đồng Công ty không có quyền thu hồi nợ cho ông M, bà C nữa thì ông không biết, giữa ông và Công ty chưa có làm việc để giải quyết vấn đề này nên ông yêu cầu Tòa án phải triệu tập Công ty tham gia tố tụng trong vụ án này mới đảm bảo được quyền lợi cho ông.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Bản gốc Giấy vay tiền có nội dung “Tôi tên là Võ Văn Đ, Kông Long Khong, K.bang, Gia Lai có vay của vợ chồng anh Sáu kiểm với số tiền là 30.000.000 (ba mươi triệu đồng chẵn), vậy tôi viết giấy này để làm chứng từ. Đăk Pơ. Ngày 9/11/Âm lịch năm 2018. Người vay ký, ghi rõ họ tên Võ Văn Đ; 15/11/Âm lịch 2018. Em Đ có vay thêm 30.000.000 (ba mươi triệu đồng chẵn) của anh chị Sáu kiểm. Người vay ký, ghi rõ họ tên Võ Văn Đ; 25/6/Âm lịch 2018. Em Đ có mượn thêm 6.000.000 (sáu triệu chẵn) của anh chị Sáu kiểm. Người vay ký, ghi rõ họ tên Võ Văn Đ; 02 Căn cước công dân mang tên Đặng Văn M và Lê Thị C (đều là bản sao); 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Đặng Văn M (bản sao) và 01 Biên bản thanh lý hợp đồng số: 0303BBTL/TN-DVM ngày 08/10/2021 giữa bên mua nợ Công ty cổ phần mua bán nợ T và bên bán nợ ông Đặng Văn M, cư trú tại xã Tân An, huyện Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai (bản chính).

Các tài liệu, chứng cứ được bị đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy ủy quyền mua, bán nợ số: 0303UQ/TN-DVM/2021 ngày 02/3/2021 giữa bên ủy quyền là ông Đặng Văn M và bên nhận ủy quyền là Công ty cổ phần mua bán nợ T (bản chính) và 01 Thông báo (Về việc: Ủy quyền mua bán nợ) ngày 02/3/2021 (bản chính).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 6, Điều 96, Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với bị đơn: Không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 6, Điều 96, Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 26; 35; 39; 91; 93; 94; 95; 96; 108; 144; 147; 227; 235; 266; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 117, 118, 119, 280, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn M và bà Lê Thị C.

Buộc bị đơn ông Võ Văn Đ phải trả cho nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) nợ gốc.

Buộc bị đơn ông Võ Văn Đ phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho nguyên đơn ông Đặng Văn M và bà Lê Thị C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (Có kèm theo bài phát biểu).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; xem xét ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Võ Văn Đ có địa chỉ cư trú tại thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quy định tại Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết vụ án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập ông Đ đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn nhưng ông Đ đều vắng mặt không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng:

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Công ty Cổ phần mua bán nợ T trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện bên mua nợ Công ty cổ phần mua bán nợ T và bên bán nợ ông Đặng Văn M đã chấm dứt hợp đồng mua bán nợ đối với khoản nợ 66.000.000 đồng của ông Võ Văn Đ và trong quá trình thực hiện nhận ủy quyền thu hồi nợ Công ty chưa thu hồi được khoản tiền nào cho nguyên đơn, số tiền nợ vẫn thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn và ủy quyền mua, bán nợ số 0303UQ/TN-DVM/2021 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/10/2021. Đồng thời, Tòa án đã nhiều lần Ủy thác tư pháp và triệu tập Công ty tham gia tố tụng trình bày quan điểm về việc Công ty còn liên quan đến khoản nợ này không thì Công ty đều cố tình không hợp tác nên Công ty không còn có quyền hay nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án này nữa. Hội đồng xét xử xác định Công ty cổ phần mua bán nợ T không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nữa là hoàn toàn phù hợp, đúng pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn M và bà Lê Thị C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy vay tiền đề các ngày 15/12/2018 DL (là ngày 09/11/2018 ÂL); ngày 21/12/2018 DL (là ngày 15/11/2018 ÂL) và ngày 06/8/2018 DL (là ngày 25/6/2018 ÂL) có nội dung bị đơn ông Võ Văn Đ vay của ông M-bà C tổng số tiền là 66.000.000 đồng (sáu mươi sáu triệu đồng), mỗi lần vay tiền đều có chữ ký của ông Đ. Việc vay mượn tiền và chứng cứ là giấy vay mượn tiền nói trên đã được ông Đ thừa nhận, điều này thể hiện rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Văn Đ cho rằng chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền là 60.000.000 đồng, còn số tiền 6.000.000 nhận nợ vào ngày 06/8/2018 DL (là ngày 25/6/2018 ÂL) đã được nguyên đơn hứa sẽ không yêu cầu thanh toán nữa, ông Đ không cung cấp được chứng cứ gì để chứng M; tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn ông M, bà C không yêu cầu ông Đ phải trả số tiền 6.000.000 đồng nên quan điểm của bị đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, ông Đ còn trình bày sự việc liên quan đến Công ty mua bán nợ T là bên được ông M ủy quyền thu hồi khoản nợ. Trong thời gian ủy quyền Công ty

có đến nhà ông Đ để thực hiện việc thu hồi nợ, ông Đ cho rằng kể từ khi nhận được văn bản Ủy quyền mua, bán nợ ngày 02/3/2021 thì Công ty mới là người có quyền được thu hồi khoản nợ 66.000.000 đồng chứ ông M không có quyền thu hồi nợ nữa, ông Đ không viết giấy nhận nợ nào đối với Công ty T. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 06/2021/QĐ-CCTLCC ngày 29/10/2021 yêu cầu ông Đ cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho ông M, bà C. Sau khi Tòa án nhận được tài liệu, chứng cứ là Văn bản Ủy quyền mua, bán nợ số: 0303UQ/TN-DVM/2021 ngày 02/3/2021 giữa bên ủy quyền là ông Đặng Văn M và bên nhận ủy quyền là Công ty cổ phần mua bán nợ T do ông Đ cung cấp. Tòa án nhân dân huyện K đã yêu cầu nguyên đơn làm rõ về sự việc này thì nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án Biên bản thanh lý hợp đồng số: 0303BBTL/TN-DVM ngày 08/10/2021 giữa bên mua nợ Công ty cổ phần mua bán nợ T và bên bán nợ ông Đặng Văn M, cư trú tại xã Tân An, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai thể hiện ông M đã chấm dứt việc mua bán nợ với công ty T từ ngày 08/10/2021 và Công ty chưa thu hồi được khoản tiền nào cho nguyên đơn nên số tiền nợ vẫn thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn. Bên cạnh đó, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai đã ra 02 Quyết định ủy thác cung cấp chứng cứ ngày 07/12/2021 và ngày 06/4/2022 đến Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí M để làm rõ việc mua, bán nợ giữa nguyên đơn và Công ty, đồng thời yêu cầu Công ty tham gia tố tụng trong vụ án. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện K không thu thập được tài liệu, chứng cứ gì. Đến ngày 25/5/2022, Tòa án nhân dân huyện K đưa Công ty vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và nhiều lần triệu tập Công ty đến Tòa để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng Công ty đều cố tình vắng mặt nên Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn chỉ ủy quyền cho Công ty cổ phần mua bán nợ T liên hệ với bị đơn để bàn bạc, trao đổi, thu tiền nợ và lập các thỏa thuận về việc trả nợ cho bên ủy quyền chứ không bán hoàn toàn khoản nợ đó. Tại Biên bản thanh lý hợp đồng số: 0303BBTL/TN-DVM ngày 08/10/2021 thể hiện việc ủy quyền mua, bán nợ số: 0303UQ/TN-DVM/2021 ngày 02/3/2021 đã hết hiệu lực và Công ty cũng chưa thu được khoản nợ nào cho nguyên đơn; bị đơn cũng thừa nhận chưa thanh toán khoản tiền nào cho công ty. Chứng cứ gốc là 03 Giấy vay tiền do ông M, bà C cung cấp làm chứng cứ khởi kiện đã được ông Đ thừa nhận đúng là chữ viết và chữ ký của ông. Điều đó khẳng định, số nợ vẫn thuộc quyền sở hữu của ông M, bà C nên ông Đ phải có trách nhiệm trả nợ cho ông M, bà C là đúng quy định của pháp luật.

Theo giấy vay tiền các bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ, không ghi lãi suất nên đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn và không có lãi, nên ông M-bà C khởi kiện là có căn cứ đúng theo quy định tại các Điều 463, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn M và bà Lê Thị C, buộc bị đơn ông Võ Văn Đ phải trả cho nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*) nợ gốc.

Ông M-bà C không yêu cầu ông Đ trả tiền lãi của số nợ nói trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông M và bà C được chấp nhận nên ông M và bà C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông M và bà C toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Ông Võ Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 60.000.000 đồng x 5% = 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 232; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn M và bà Lê Thị C.

Buộc bị đơn ông Võ Văn Đ phải trả cho nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*) nợ gốc.

Kể từ ngày người được thi hành án ông M-bà C có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án ông Đ thi hành án xong khoản tiền nợ nói trên (60.000.000 đồng), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn ông Võ Văn Đ phải chịu 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Đặng Văn M và bà Lê Thị C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.650.000 đồng (*một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003277 ngày 07/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, Gia Lai.

Trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án (*ngày 22/9/2022*), nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm kể từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Ngọc